ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 693 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 19tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 45/TTr-SXD ngày 17 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, gồm những nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là đơn vị kinh doanh vận tải) vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Nguyên tắc áp dụng

3.1. Dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải phù hợp với Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn

tỉnh Lạng Sơn và lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên cơ sở nguồn lực của tỉnh và được cân đối bố trí hàng năm.

3.3. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3.4. Hỗ trợ không quá 02 dự án trong 01 năm.

3.5. Trường hợp phương tiện, kết cấu hạ tầng được hỗ trợ lãi suất đầu tư chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh trước thời hạn thì thời gian hỗ trợ lãi suất được tính đến thời điểm ngừng phục vụ hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt

4.1. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Có dự án đầu tư mua sắm mới phương tiện xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật để phục vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư mới phương tiện xe buýt sử dụng xăng, dầu, sử dụng điện, năng lượng xanh và sử dụng đúng mục đích vốn vay.

c) Chủ dự án là đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại địa bàn tỉnh và được Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong đó có loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt và chấp thuận hoạt động trên các tuyến vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

4.2. Mức hỗ trợ lãi suất

a) Đối với dự án đầu tư phương tiện sử dụng xăng, dầu số tiền hỗ trợ đối với 01 chủ dự án hàng năm 3%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế và tối đa không quá 200 triệu đồng/1năm.

b) Đối với dự án đầu tư phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh số tiền hỗ trợ đối với 01 chủ dự án hàng năm 4%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế và tối đa không quá 300 triệu đồng/năm.

4.3. Thời gian hỗ trợ

a) Đối với đầu tư mới phương tiện sử dụng xăng, dầu thời gian hỗ trợ vay vốn thực tế, nhưng tối đa không quá 05 năm.

b) Đối với đầu tư phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 07 năm.

c) Thời điểm bắt đầu hỗ trợ lãi suất vay vốn tính từ ngày bắt đầu giải ngân

theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng.

5. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

5.1. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Có dự án đầu đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, cụ thể đầu tư bãi đỗ xe có trạm sạc điện phục vụ phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh.

c) Chủ dự án là đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại địa bàn tỉnh và được Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong đó có loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt và chấp thuận hoạt động trên các tuyến vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

5.2. Mức hỗ trợ lãi suất

Đối với dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe buýt có trạm sạc điện cho phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh số tiền hỗ trợ đối với 01 chủ dự án là 4-5%/năm và tối đa không quá 1 tỷ đồng/1 dự án.

5.3. Thời gian hỗ trợ

Theo thời gian vay vốn thực tế, nhưng tối đa không quá 05 năm đối với đầu tư xây dựng bãi đỗ xe buýt có trạm sạc điện (tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng).

6. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

6.1. Tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Tuyến xe buýt đang hoạt động có hỗ trợ giá trên địa bàn tỉnh: Tuyến Mai Pha - Na Sầm và Bến xe Phía Bắc - Na Dương.

b) Căn cứ quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung tuyến xe buýt có phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh được hỗ trợ.

6.2. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Bằng chênh lệch âm giữa doanh thu thực tế và chi phí định mức của từng tuyến

a) Doanh thu thực tế: là doanh thu từ bán vé tháng, vé lượt và doanh thu khác có liên quan đến hoạt động xe buýt (quảng cáo, thanh lý vật tư tài sản,…).

b) Chi phí định mức gồm: chi phí trực tiếp theo định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; chi phí quản lý tính bằng 10% chi phí trực tiếp; lợi nhuận định mức tính bằng 6% chi phí trực tiếp.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

6.3. Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động các tuyến xe buýt quy định khoản 1 Điều này được thực hiện theo thời hạn hợp đồng khai thác tuyến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải.

7. Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

7.1. Miễn giá vé: trẻ em dưới 6 tuổi, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, thương bệnh binh, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

7.2. Giám giá vé: 50% giá vé đối với người cao tuổi (theo Luật người Cao tuổi), người khuyết tật; 20% đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam đang học các trường trên địa bàn tỉnh.

7.3. Điều kiện thực hiện giảm giá vé.

a) Người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp.

b) Người cao tuổi (theo Luật người cao tuổi): phải xuất trình căn cước công dân hoặc giấy tờ hợp pháp chứng minh là người cao tuổi.

c) Học sinh, sinh viên: có thẻ học sinh, sinh viên hoặc giấy tờ hợp pháp khác.

8. Xử lý trong trường hợp chủ dự án vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích

Khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích, tổ chức tín dụng cho vay thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, có văn bản thông báo ngay cho Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng cấp hỗ trợ lãi suất cho chủ dự án. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định yêu cầu chủ dự án phải hoàn trả số tiền đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất (trong trường hợp ngân sách địa phương đã hỗ trợ lãi suất) hoặc không cấp hỗ trợ lãi suất (trong trường hợp ngân sách địa phương chưa hỗ trợ lãi suất); đồng thời chỉ đạo các đơn vị chức năng của địa phương thực hiện việc thu hồi số tiền phải hoàn trả cho ngân sách địa phương (nếu có).

9. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn Ngân sách cấp tỉnh.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(CVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh